

**FROM “PACT” TO REFLEXIVITY: THE
AUTOBIOGRAPHICAL STRUCTURE IN
SCENES FROM PROVINCIAL LIFE BY
J.M. COETZEE**

Bui Dien Nguyen^{*1}
and Nguyen Phuong Khanh²

¹*Faculty of Literature, Ho Chi Minh City University
of Education, Ho Chi Minh City, Vietnam*

²*Faculty of Literature, University of Education
– The University of Danang, Danang, Vietnam*

^{*}Corresponding author: Bui Dien Nguyen,
e-mail: bdnguyen27@gmail.com

**TỪ “KHẾ ƯỚC” ĐẾN PHẢN TƯ: CẤU
TRÚC TỰ THUẬT TRONG NHỮNG
CẢNH ĐỜI TỈNH LÊ
CỦA J.M. COETZEE**

Bùi Điền Nguyên^{*1}
và Nguyễn Phương Khánh²

¹*Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

²*Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm –
Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng, Việt Nam*

^{*}Corresponding author: Bui Dien Nguyen,
e-mail: bdnguyen27@gmail.com

Received April 3, 2025.
Revised April 28, 2025.
Accepted June 18, 2025.

Ngày nhận bài: 3/4/2025.
Ngày sửa bài: 28/4/2025.
Ngày nhận đăng: 18/6/2025.

Abstract. This article examines the genre-specific features of *Scenes from Provincial Life* (the trilogy: *Boyhood, Youth and Summertime*) by J.M. Coetzee as an experimental form of autobiographical novel. Drawing on Philippe Lejeune’s theory of the “autobiographical pact,” the study explores how Coetzee both inherits and challenges the conventional conventions of autobiography through distinctive structural elements such as the disruption of linear temporality, the disjunction among the volumes and the active role of the reader in the co-construction of meaning. The article argues that *Scenes from Provincial Life* not only inherits the autobiographical tradition but also serves as a genre-reflexive work, where narrative structure itself becomes a strategy to interrogate the credibility, coherence, and representational capacity of the self.

Keywords: Structure, autobiographical novel, *Scenes from Provincial Life*, John Maxwell Coetzee.

Tóm tắt. Bài viết tập trung phân tích đặc trưng thể loại của Những cảnh đời tỉnh lẻ (bộ ba: Tuổi thơ, Tuổi trẻ và Mùa hè) của J.M. Coetzee như một hình thức tiểu thuyết tự thuật mang tính thể nghiệm. Dựa trên lý thuyết “khế ước tự truyện” của Philippe Lejeune, bài viết khảo sát cách Coetzee vừa kế thừa, vừa chất vấn các quy ước truyền thống của thể loại tự truyện thông qua các đặc trưng cấu trúc nổi bật như: sự phá vỡ trình tự thời gian tuyến tính, tính rời rạc giữa các phần và vai trò tích cực của độc giả trong quá trình đồng kiến tạo ý nghĩa. Nghiên cứu cho thấy Những cảnh đời tỉnh lẻ không chỉ kế thừa truyền thống tự truyện mà còn mang tính phản tư thể loại sâu sắc, khi chính cấu trúc văn bản trở thành một chiến lược chất vấn tính khả tín, sự toàn vẹn và khả năng tự đại diện của bản ngã.

Từ khóa: Cấu trúc, tiểu thuyết tự thuật, Những cảnh đời tỉnh lẻ, John Maxwell Coetzee.

1. Mở đầu

Là một trong những ngòi bút tiêu biểu của văn học Nam Phi hậu thuộc địa, J.M. Coetzee đã kiến tạo nên một không gian tiểu thuyết độc đáo, biến tự sự trở thành hành vi truy vấn mang tính triết học về bản ngã, lịch sử và ngôn ngữ. Nếu những tác phẩm như *Ruồng bỏ*, *Cuộc đời và thời*

đại của Michael K hay *Đợi bọn mọi* cho thấy mối bận tâm sâu sắc của ông với kí ức tập thể và trách nhiệm đạo đức trong bối cảnh hậu apartheid, thì bộ ba tiểu thuyết *Những cảnh đời tỉnh lẻ* (gồm *Tuổi thơ*, *Tuổi trẻ* và *Mùa hè*) lại là một cuộc trở về nội giới, một hành trình thể nghiệm cái tôi qua chính sự bất định của kí ức và hình thức tự sự.

Những cảnh đời tỉnh lẻ (*Scenes from Provincial Life*) thường được giới nghiên cứu xếp vào loại tiểu thuyết tự thuật (*autobiographical novel*) hoặc tự truyện thể nghiệm, do tính chất lưỡng diện: vừa kế thừa các quy ước tự truyện truyền thống, vừa chủ động phá vỡ và chất vấn chúng. Trước hết, bộ ba *Tuổi thơ*, *Tuổi trẻ* và *Mùa hè* đều xoay quanh nhân vật trung tâm mang tên “John Coetzee”, một cái tên hoàn toàn trùng khớp với tên thật của tác giả. Đây là điểm mấu chốt đầu tiên khiến văn bản khơi gợi một “chế độ đọc tự truyện” (Lejeune, 1989) [1], tức là khi người đọc mặc định hiểu nhân vật chính như là hiện thân của chính tác giả. Đồng thời, phần lớn nội dung của ba tác phẩm đều được gợi cảm hứng từ những giai đoạn đời thực của J.M. Coetzee: từ thời niên thiếu ở Worcester, giai đoạn làm việc tại IBM ở London, cho đến khi trở về Nam Phi giảng dạy. Các mối quan hệ, địa danh và tình huống trong tác phẩm thường trùng khớp với tiểu sử cá nhân, cho thấy mức độ “cam kết với sự thật” tương đối rõ ràng, dù không tuyệt đối.

Dưới hình thức tự thuật (*autobiographical fiction* – vốn khác biệt với tự truyện thuần túy), bộ ba này tái hiện hành trình phân mảnh của chủ thể “John Coetzee”, đồng thời chất vấn tính khả tín của kí ức, ranh giới giữa hư cấu và sự thật, cũng như quan hệ bất ổn giữa tác giả – nhân vật – người kể. Tự sự trong *Những cảnh đời tỉnh lẻ* không đơn thuần là sự tái hiện một đời người, mà là một “thực hành phản tư” (*reflexive practice*), khi chính cấu trúc văn bản trở thành công cụ tra vấn khả năng tái trình hiện bản ngã.

Trên bình diện nghiên cứu quốc tế, bộ ba này đã được tiếp cận từ nhiều hướng lí thuyết: như một thực hành *autobiography* – tức hình thức tự truyện “phi truyền thống” qua nghiên cứu của Collingwood-Whittick (2001) [2] và Lenta (2003) [3]; như một diễn ngôn chính trị – đạo đức trong bối cảnh hậu thuộc địa trong công trình của Grzęda (2012) [4]; như một “dự án tự hủy dân của cái tôi” được thực hiện qua thao tác làm mờ ranh giới giữa tự truyện và hư cấu trong sự soi chiếu và phân tích của Mehmet Büyüktuncay (2013) [5]; hay như một dạng *autofiction* kết hợp giữa cái tôi thực và cái tôi hư cấu gắn với kiến giải của Neimneh (2015) [6]. Tuy nhiên, phần lớn các công trình vẫn thiên về các khía cạnh giọng kể, đạo đức tự sự hoặc sự giao thoa giữa hư cấu và sự thật; trong khi khía cạnh cấu trúc văn bản vốn là chiến lược tạo nghĩa và phản tư thể loại vẫn còn bị bỏ ngỏ. Ngay cả trong bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam, các phân tích có tính khám phá của Phạm Tuấn Anh và Trần Minh Trâm (2021) tuy đã khai thác nghệ thuật giọng điệu trong bộ ba này [7], nhưng chưa đặt cấu trúc văn bản thành một đối tượng trung tâm trong việc truy vấn thể loại tự truyện.

Từ khoảng trống đó, bài viết này đề xuất tiếp cận *Những cảnh đời tỉnh lẻ* như một hình thức tiểu thuyết tự thuật mang tính thể nghiệm, gắn với các đặc trưng cấu trúc như: sự phá vỡ trình tự thời gian tuyến tính, tính rời rạc giữa các phần và sự mời gọi độc giả tham gia đồng kiến tạo ý nghĩa,... chính là những dấu chỉ cho thấy sự phản tư thể loại. Dưới ánh sáng lí thuyết “khế ước tự truyện” (*le pacte autobiographique*) của Philippe Lejeune, bài viết luận giải cách J.M. Coetzee vừa kế thừa truyền thống tự truyện, vừa chủ động làm lệch chuẩn các quy ước thể loại, mở ra một không gian văn bản “liên văn thể” – nơi bản ngã không còn là một thực thể toàn vẹn mà trở thành một quá trình kiến tạo liên tục qua diễn ngôn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Từ khung lí thuyết “Khế ước tự truyện” đến những giới hạn của thể loại

Lí thuyết hiện đại về tự truyện được khởi phát mạnh mẽ từ công trình nền tảng của Philippe Lejeune, đặc biệt là *Le Pacte autobiographique – Khế ước tự truyện* (1975; tái bản mở rộng năm 1989). Trong cuốn sách này, Lejeune đề xuất ba tiêu chí cơ bản nhằm xác lập một văn bản thuộc

thể loại tự truyện. Thứ nhất, sự đồng nhất tên gọi giữa tác giả – người kể chuyện – nhân vật chính, mà theo ông đây là đặc điểm then chốt để phân biệt tự truyện với tiểu thuyết hư cấu. Ông viết: “Trong tự truyện, tác giả (người có tên gọi gắn với một con người thực), người kể chuyện và nhân vật chính là một” [1; 5]. Thứ hai, khế ước là cam kết sự thật (khế ước tự truyện), tức một lời hứa ngầm về tính xác thực của trải nghiệm được kể: “Tác giả hứa sẽ kể sự thật về cuộc đời mình” [1; 14]. Thứ ba là trật tự thời gian tuyến tính, nó phản ánh hành trình hình thành và phát triển của con người qua các giai đoạn sống: “Tự truyện là một hình thức tự sự; nó bao hàm một sự phát triển theo thời gian... thường đi từ nguồn gốc của chủ thể đến thời điểm viết” [1; 5–6].

Từ ba tiêu chí này, Lejeune kiến tạo một khung phân loại hệ thống, qua đó phân biệt tự truyện với các thể loại “giáp ranh” như tiểu thuyết hư cấu, hồi kí, nhật kí hay *autofiction*. Tuy nhiên, ngay chính Lejeune, trong nghiên cứu của mình, cũng thừa nhận rằng các ranh giới thể loại này ngày càng trở nên mờ nhòe. Ông mở rộng khái niệm khế ước để bao gồm cả những văn bản lệch chuẩn (không hoàn toàn khớp với các tiêu chí ban đầu), cụ thể là tên nhân vật không còn đồng nhất với tác giả, tự truyện ngôi thứ ba, thời gian bị đứt gãy và lời kể bị chia tách. Trong chương “*The Autobiographical Pact (bis)*”, Lejeune tái lập vấn đề và hướng đến tính linh hoạt của khế ước: “Khế ước tự truyện không phải là một hình thức cứng nhắc. Nó là một nguyên tắc đọc, một phương thức tiếp nhận” [1; 129]. Nghĩa là ông nhắc nhở không nên hiểu khế ước tự truyện như một khuôn mẫu cố định, mà như một nguyên tắc tiếp nhận, một cách thức mà người đọc lựa chọn để hiểu và định vị văn bản.

Cùng với Lejeune, nhiều học giả đương đại như Paul John Eakin (trong *How Our Lives Become Stories: Making Selves*) [8], Linda Anderson (trong *Autobiography*) [9], Micaela Maftai (trong *The Fiction of Autobiography: Reading and Writing Identity*) [10],... đã tiếp tục làm phong phú trường nghiên cứu này bằng cách tiếp cận từ hậu cấu trúc luận, phân tâm học, nữ quyền học. Họ nhấn mạnh vai trò kiến tạo của kí ức, tính đa thanh của bản ngã và đặc biệt là sự tham dự của độc giả như một chủ thể đồng kiến tạo nghĩa trong văn bản tự truyện.

Dù vậy, trong khuôn khổ bài viết này, lí thuyết của Lejeune vẫn được sử dụng như một điểm tựa trung tâm, bởi tính hệ thống và khả năng xác định ranh giới thể loại; sự phù hợp khi đặt đối sánh giữa quy ước truyền thống và các chiến lược phá vỡ thể loại trong *Những cảnh đời tỉnh lẻ*; đồng thời, tính linh hoạt của lí thuyết Lejeune (đặc biệt là trong các chương *bis*) cho phép khảo sát cả những trường hợp “lệch chuẩn” mà không phủ định hoàn toàn yếu tố tự truyện.

Bài viết không nhằm hướng tới tái khẳng định ranh giới cố định của thể loại, mà chủ yếu tập trung khảo sát phương cách *Những cảnh đời tỉnh lẻ* – trong tư cách là một tiểu thuyết tự thuật – đã chất vấn, làm lệch và tái định nghĩa các quy ước truyền thống ấy từ bên trong. Như vậy, thay vì bác bỏ “khế ước tự truyện”, nghiên cứu này lựa chọn sử dụng nó như một điểm tựa lí thuyết để làm nổi bật cách mà J.M. Coetzee vừa tuân thủ, vừa phản tư thể loại. Qua đó, văn bản *Những cảnh đời tỉnh lẻ* được nhìn nhận là hình thức tiểu thuyết tự thuật đậm tính thể nghiệm, vừa kể thừa, vừa mở rộng ranh giới lí thuyết.

2.2. Cấu trúc như chiến lược tự thuật trong *Những cảnh đời tỉnh lẻ*

2.2.1. Phá vỡ tuyến tính thời gian – chất vấn tính lịch sử của tự truyện

Trong truyền thống văn học, tự truyện thường được hiểu là một tự sự về đời sống cá nhân theo trình tự thời gian tuyến tính: bắt đầu từ thời thơ ấu, đi qua tuổi trưởng thành và kết thúc ở hiện tại, cho phép cái tôi tự nhìn lại mình như kết quả tất yếu của một chuỗi phát triển. Trật tự thời gian trong tự truyện không chỉ là kết cấu hình thức, mà còn là biểu hiện của niềm tin sâu xa vào tính liên tục, logic và khả năng diễn giải của lịch sử cá nhân. Theo đó, cái tôi được hình thành tựa hồ một bản thể nhất quán, có thể truy nguyên, được xác tín bằng trật tự của những kí ức được sắp xếp. Dưới ống kính của lịch sử, nó giúp thiết lập một danh tính đồng nhất, một bản ngã được khai triển theo tiến trình những biến đổi liên tục. Đó là cái khung mang tính kinh điển mà Philippe

Lejeune gọi là “khế ước tự truyện”, một thái độ độc quyền của tác giả khi đối diện với độc giả: rằng câu chuyện được kể là “sự thật” đồng nhất, được tổ chức theo một trật tự mang tính tiến hóa.

Thế nhưng, trong *Những cảnh đời tình lẻ* (bộ ba tiểu thuyết gồm *Tuổi thơ*, *Tuổi trẻ* và *Mùa hè*), J.M. Coetzee đã chủ động phá vỡ logic tuyến tính này, đẩy cấu trúc tự sự vào trạng thái bất ổn, đứt đoạn và không thể khép kín. Thời gian trong tác phẩm không còn là trục phát triển của bản ngã, mà là một mạng lưới những kí ức lấp lửng, phi tuyến, luôn hoài nghi về chính khả năng tái hiện. Mặc dù về mặt hình thức, người đọc sẽ đi từ năm tháng tuổi thơ của John (hình ảnh phóng chiếu của chính nhà văn) trong bối cảnh Nam Phi với những thức tỉnh đầu đời (cuốn *Tuổi thơ*), đến quá trình trưởng thành trong thân phận ngoại vi ở Anh quốc (cuốn *Tuổi trẻ*) và những giả định sau khi chết (*Mùa hè*). Tuy nhiên, các sự kiện ở mỗi cuốn đều được J.M. Coetzee trình bày theo cách nhảy vọt giữa các mốc thời gian, xen kẽ hiện tại và quá khứ hoặc đảo ngược thứ tự niên đại, tạo ra các khoảng trống thời gian buộc độc giả phải chủ động tái cấu trúc câu chuyện.

Ở *Tuổi thơ*, dòng thời gian bị phân mảnh theo những xung động cảm xúc: kí ức về mẹ, về sự xấu hổ khi là người da trắng trong xã hội apartheid, hay về nỗi lo âu hiện sinh trước tôn giáo. Tất cả đan xen và chen lấn nhau trong một không gian tự sự không thống nhất. Cái tôi không hiện ra theo tiến trình trưởng thành, mà bộc lộ thành chuỗi phản ứng tâm lí mang tính cục bộ và đứt đoạn. Chẳng hạn khi đang kể một cuộc trò chuyện với mẹ về việc “quyền truy vấn”, “bản giao kèo” [11; 20], John chuyển đột ngột sang một sự kiện khác nói về “chuyện xảy ra ở trường là bọn nam sinh bị đánh đòn” [11; 20] và mô tả sự xấu hổ của mình khi bị bạn bè chế giễu ở trường Worcester. Hay một đoạn khác đang kể về bí mật “thích Nga hơn Mỹ” [11; 46], John lại bất ngờ chuyển sang hồi tưởng lại thời gian gia đình ở Worcester với những việc như chơi bóng cùng em trai, “đề nghị Greenberg và Goldstein nói ra những kí ức xa xưa nhất của mình” [11; 51] hoặc nhắc đến vấn đề “mẹ hấn mang đầy lòng khinh miệt đối với những người đàn ông “tay chân vô dụng”, trong đó tính cả cha hấn, lẫn anh em của bà, và chủ yếu là anh cả Roland” [11; 53]. Những khoảng trống thời gian này cho thấy nhà văn đã ưu tiên sắp xếp các sự kiện, tình tiết trong *Tuổi thơ* dựa trên tác động của cảm xúc, tâm lí của nhân vật.

Sang *Tuổi trẻ*, sự phi tuyến thời gian trở nên rõ rệt hơn: kí ức về Nam Phi hiện về ngẫu nhiên giữa những trải nghiệm cô đơn ở London, những đoạn đời bị đứt lìa được nối lại bằng nỗi ám ảnh về nguồn cội, cảm thức tha hương và thất bại bản thể. Chẳng hạn, khi đang mô tả công việc lập trình viên tại IBM ở London (Anh), John kể về thời kỳ học toán ở Cape Town (Nam Phi) nhiều năm trước, sau đó trở lại thực tại với cảm giác cô đơn, trống vắng. Trong nỗi cô đơn ấy, nhân vật thử nghiệm viết văn xuôi, nhưng khi viết xong, hấn “*băn khoăn nhận ra mình vẫn còn viết về Nam Phi*” [12; 89] và tiếp tục hồi tưởng về quê hương. Trong trường hợp khác, khi đang nói về thi ca, John tự “*cảm nhận mình như một con côn trùng độc thân bé nhỏ, bốn chân và cuống quýt*” [12; 98], bỗng hấn lại xen kẽ hồi tưởng về tuần cuối ở Cape Town với việc “*quan hệ với một thiếu nữ tên Caroline*” [12; 88-89] và những dự cảm về tương lai của một nhà văn thất bại. Tuy nhiên lần hồi tưởng về Nam Phi bằng con mắt phê phán, xem “*Nam Phi là một khởi điểm tồi, một khuyết tật*” [12; 89], nhưng nơi đó đối với John vẫn là một điểm tựa tinh thần trong lúc cô đơn, thất bại ở xứ người. Những đoạn hồi tưởng, thay vì sắp xếp theo trật tự nhân quả, lại chuyển động như những dòng kí ức mất định hướng, cho thấy bản ngã đang tìm kiếm chính nó giữa hoài nghi và nỗi cô đơn.

Với *Mùa hè*, Coetzee đẩy cấu trúc phi tuyến đến mức độc đáo hơn bằng cách trình bày các mốc thời gian từ thập niên 1970 - 1980 qua hàng loạt các loại văn bản khác nhau và đặc biệt, qua kí ức không tuân tự của các nhân vật được phỏng vấn (Julia, Margot Jonker, Adriana Nascimento, Martin và Sophie Denoel), bởi nhân vật chính - John Coetzee, không còn được kể từ góc nhìn của “hấn” nữa. Giờ đây, chủ thể trần thuật vắng mặt (đã chết) giao quyền trần thuật cho người khác. Sau những ghi chép trong sổ tay của John, mở màn của *Mùa hè* chính là cuộc phỏng vấn với Julia. Ở cuộc phỏng vấn này, Julia mô tả mối quan hệ với John vào năm 1975, trước khi nhắc đến lần đầu gặp anh tại siêu thị ở Cape vào mùa hè năm 1972: “Tôi chạm mặt anh ấy lần đầu trong siêu

thị. Đó là mùa hè năm 1972, không lâu sau khi chúng tôi chuyển tới” [13; 25]. Sau đó, cô tiếp tục hồi tưởng về những kí ức khác trong thập niên 1970. Tiếp theo, trong cuộc phỏng vấn với Margot, các câu chuyện về John vào năm 1970 được hé lộ. Nội tiếp mạch trần thuật của tiểu thuyết, Adriana kể lại việc John dạy tiếng Anh trong giai đoạn 1974 - 1975. Cuối cùng, qua góc nhìn của Martin, hình ảnh John “đang giữ một chân giảng dạy khá bấp bênh ở một trường trung học” [13; 257] vào năm 1972 hiện lên, tạo nên một bức tranh thời gian đầy xáo trộn. Không những thế, ở cuộc trò chuyện của Sophia, thời gian nhảy cóc nhảy từ kí ức của Sophie về sự nghiệp giảng dạy của John năm 1976 sang suy tư của Vincent về hiện tại. Ngoài ra, thời gian phỏng vấn của các nhân vật cũng phi tuyến tính (thể hiện qua Bảng dưới đây).

Bảng thống kê trình tự thời gian của các cuộc phỏng vấn trong cuốn sách Mùa hè

Trình tự xuất hiện	Nhân vật	Không gian và thời gian
1	Julia	Phỏng vấn thực hiện ở Kingston, Ontario tháng 5 năm 2008
2	Margot	Phỏng vấn thực hiện ở Somerset West, Nam Phi tháng 12 năm 2007 và tháng 6 năm 2008
3	Adriana	Phỏng vấn thực hiện ở Sao Paulo, Brazil tháng 12 năm 2007
4	Martin	Phỏng vấn thực hiện ở Sheffield, Anh tháng 9 năm 2007
5	Sophie	Phỏng vấn thực hiện ở Paris tháng 1 năm 2008

Thời gian hiện tại và quá khứ đan xen, trộn lẫn. Những nhân vật từ hiện tại nhớ về quá khứ, tạo ra các mảnh kí ức chắp vá, mơ hồ. Những ấn tượng, câu chuyện về John Coetzee được nhặt nhanh, phân mảnh trong kí ức của nhiều nhân vật vừa bổ sung, vừa mâu thuẫn. Có thể nói, “lối trần thuật đa chủ thể khiến câu chuyện về một người được nhìn từ nhiều phía” khiến “đường biên nhân vật chính - phụ bị xóa nhòa” [14; 221]. Trật tự tuyến tính bị làm mờ, nhường chỗ cho cấu trúc phi tuyến tính, phân mảnh, phản ánh một quan điểm hoài nghi về tính ổn định và khả năng tái hiện của kí ức cá nhân. Bằng cách để các kí ức từ nhiều góc nhìn đan xen mà không có mốc thời gian cố định, tuân tự theo một tiến trình, J.M. Coetzee từ chối xây dựng một lịch sử tuyến tính về cuộc đời nhân vật chính. Thời gian bị bẻ gãy hoàn toàn: cái tôi không còn hiện diện trong lời kể, mà được tái hiện qua các phỏng vấn, ghi chép, hồi ức của những người khác, những “mảnh lời đa thanh”, chồng lấn, thậm chí mâu thuẫn. Trật tự thời gian không những không tồn tại trong cấu trúc nội dung, mà ngay cả thời điểm các cuộc phỏng vấn cũng được tổ chức lệch pha, phi thứ tự, như thể Coetzee cố tình tạo ra một lịch sử không thể truy nguyên. Kí ức trở thành mảnh vỡ, còn bản ngã là hình ảnh được kiến tạo bởi những người bên ngoài, sau cái chết giả định của chính mình.

Bằng việc triệt tiêu cấu trúc thời gian tuyến tính – yếu tố được xem là nền tảng trong lí thuyết truyền thống của tự truyện, J.M. Coetzee đã làm gián đoạn mạch tự sự, chất vấn sâu sắc niềm tin vào khả năng tái hiện lịch sử cá nhân. Ở đây, tư tưởng của Paul Ricoeur về tự sự cung cấp một nền tảng triết học sâu sắc để lí giải cấu trúc phi tuyến trong *Những cảnh đời tình lẻ*. Trong *Sự biến hóa của cốt truyện*, P. Ricoeur cho rằng thời gian trong tiểu thuyết không còn phản ánh thời gian vật lí, mà được cấu trúc lại qua trần thuật: “Thời gian của tiểu thuyết có thể phá vỡ thời gian hiện thực: đó chính là quy luật để bước vào hư cấu” [15; 906]. Đồng thời, bản ngã cũng được tạo hình trong chính quá trình kể lại và tiếp nhận. Khi văn bản từ chối tính tuyến tính, phủ định kết thúc hoặc chủ thể trần thuật vắng mặt, đó không phải là dấu hiệu của đồ vỡ, mà là lời mời độc giả tham dự vào việc kiến tạo nghĩa: “sự thất vọng này chỉ làm thỏa mãn nếu như độc giả, được sự tiếp sức từ tác giả, tạo ra tác phẩm mà tác giả đã tìm cách tháo tung ra” [15; 905]. Với Ricoeur, phân mảnh

là phương thức để mở rộng cấu trúc, đúng như cách Coetzee biến tự truyện thành một diễn ngôn về giới hạn của kí ức và khả thể của bản ngã.

Từ một hướng khác, nhưng cùng chia sẻ hoài nghi về tính cố định của bản ngã và tiến trình tuyến tính, Lejeune xem trật tự thời gian là cấu trúc trung tâm giúp tự truyện “kiến tạo tính liên tục của bản ngã” và điều hòa quan hệ giữa cá nhân với người khác cũng như với chính mình” [1; 70-71]. Song, chính Lejeune cũng từng nghi ngờ sức mạnh ràng buộc của mô hình này khi đặt câu hỏi: “Ai bắt anh ta phải dùng cái khuôn có sẵn của tự sự tuyến tính? Sao anh ta không tự phát minh ra hình thức phù hợp với trải nghiệm của mình?” [1; 72].

Thay vì đảo ngược thời gian (điều mà Lejeune vẫn cho là nằm trong khuôn khổ cũ), J.M. Coetzee tái cấu trúc hoàn toàn tiến trình kí ức, biến nó thành một thực hành đa chiều, bất định và không tổng thể. Trong thế giới của *Những cánh đời tỉnh lẻ*, lịch sử không tồn tại như một dòng chảy khách quan khi con người phụ thuộc vào tính thường hằng của nó, mà trở thành một cấu trúc ngôn ngữ được điều kiện hóa bởi cảm xúc, góc nhìn và quyền lực trần thuật. Cái tôi vận động từ một bản thể được kể lại đến một không gian rộng – nơi kí ức hiện lên như vô vàn mảnh vụn và người đọc phải chấp ghép, kiến tạo lại ý nghĩa.

Lejeune từng nhấn mạnh vai trò của tính thống nhất và logic như nền tảng tổ chức văn bản tự thuật: “Trong khi đọc giả hoàn toàn thờ ơ với sự bất nhất của trình tự thời gian, thì chỉ cần một sai sót nhỏ về logic cũng sẽ lập tức thu hút sự chú ý của họ. Điều này cho thấy rằng trật tự logic mới chính là trật tự thực sự của văn bản” [1; 92-93]. Với sự nhất quán trong mối quan hệ giữa các sự kiện và ý nghĩa, P. Lejeune xem logic nội tại là yếu tố cốt lõi đảm bảo tính toàn vẹn của tự truyện, vượt trên những bất nhất về thời gian. *Những cánh đời tỉnh lẻ* của J.M. Coetzee đã phản tư khía cạnh này bằng cách xây dựng một cấu trúc rời rạc, tạo ra các mảnh ghép văn bản không gắn kết bởi mạch tuyến tính hay nhân - quả truyền thống. Việc lựa chọn hình thức trần thuật phân mảnh, đa điểm nhìn và thiếu kết nối logic trong *Những cánh đời tỉnh lẻ* cũng đặt lại vấn đề về tính khả tín của ngôn ngữ trong việc tái hiện đời sống. Như Paul Ricoeur đã đặt câu hỏi then chốt: “Làm sao có thể thể hiện được kinh nghiệm của cá nhân qua ngôn ngữ nếu như ngôn ngữ không thể đưa trở lại sự quy chiếu đơn thuần gắn liền với chữ nghĩa giả định?” [15; 880]. Nhận định này chất vấn trực tiếp ảo tưởng về một thứ ngôn ngữ “trong suốt” có thể truyền đạt trọn vẹn trải nghiệm sống. Trái lại, qua việc phân mảnh kí ức, đa dạng hóa lời kể và tạo ra các mâu thuẫn trần thuật, J.M. Coetzee cho thấy rằng ngôn ngữ không phục dựng đời sống mà kiến tạo nó và chính sự bất toàn của ngôn ngữ là nơi bản ngã được đặt lại như một khả thể.

Từ đó, tác phẩm đặt ra những thách thức về tính chất tuyến tính của tự truyện, đồng thời gợi mở một định nghĩa khác: tự truyện không phải là sự kể lại một đời người đã trôi qua, mà là sự dò tìm không ngừng về khả năng tự định danh của bản ngã trong chính sự bất toàn của ngôn ngữ và thời gian.

2.2.2. Tính rời rạc trong cấu trúc ba phần - đối thoại về “sự đồng nhất” và “cam kết sự thật”

Trong *Khế ước tự truyện*, Philippe Lejeune khẳng định hai điều kiện thiết yếu để xác lập một văn bản là tự truyện: sự đồng nhất tên gọi giữa tác giả – người kể – nhân vật chính và cam kết trình bày sự thật về đời sống cá nhân. Đây không chỉ là những tiêu chí hình thức, mà còn là tiền giả định tạo nên khế ước đọc giữa tác giả và độc giả, nhằm đi đến hình thành một niềm tin vào bản ngã như một thực thể thống nhất, có thể tái hiện bằng ngôn ngữ và một lịch sử cá nhân có thể kể lại như một chuỗi sự kiện có thật. Tuy nhiên, *Những cánh đời tỉnh lẻ* của J.M. Coetzee, với kết cấu ba phần tách rời (*Tuổi thơ*, *Tuổi trẻ*, *Mùa hè*), đã chủ đích phá vỡ chính hai khía cạnh này, để kiến tạo một hình thức tiểu thuyết tự thuật đậm chất phản tư và thể nghiệm.

Trước hết, xét về yếu tố đồng nhất, ba phần của bộ tiểu thuyết không nối tiếp nhau giống các chương của một tự truyện liên mạch. Mỗi phần vận hành thành một thực thể tự trị, không chỉ về nội dung mà còn về hình thức trần thuật. Trong *Tuổi thơ*, người kể ở ngôi thứ ba, gọi John là “hắn”, tạo một khoảng cách cố ý giữa tác giả và nhân vật, từ chối đồng nhất tên gọi như Lejeune đòi hỏi. *Tuổi trẻ* duy trì khoảng cách đó, đặc biệt, chuyển sang các mảnh ghép về sự vỡ mộng ở

London, từ bất mãn trong công việc đến nỗ lực sáng tác thơ ca, không tiếp nối trực tiếp các chủ đề gia đình hay văn hóa trong *Tuổi thơ*. Và đến *Mùa hè*, sự đồng nhất bị phá vỡ hoàn toàn: “John Coetzee” được tái hiện sau khi chết qua lời kể của người khác: bạn bè, người yêu cũ, đồng nghiệp,... dưới dạng phỏng vấn, thư từ, ghi chép. Bản ngã không còn được kể từ bên trong mà bị kiến tạo từ bên ngoài, như một tập hợp các “mảnh nhìn” đối lập và thiếu tin cậy. *Mùa hè* tái hiện John qua góc nhìn của những người có mối quan hệ với John trước đây, không kể thừa rõ ràng các trải nghiệm cá nhân từ hai phần trước. Sự thiếu liên kết giữa ba phần, từ kí ức tuổi thơ, vỡ mộng thanh niên, đến tái hiện đa chiều, đa kí ức đã tạo ra một khoảng trống ý nghĩa lớn. Sự phân mảnh này một mặt làm mờ ranh giới giữa người kể và nhân vật, mặt khác khước từ ý niệm về một “tôi” thống nhất, ổn định, vốn là nền tảng của tự truyện truyền thống. Thay vì kiến tạo một tuyến truyện phát triển liên mạch qua ba phần của bộ truyện, Coetzee lại trình bày đời sống của nhân vật “John Coetzee” theo dạng chuỗi các mảnh ghép độc lập. Như vậy, danh xưng “John Coetzee” không bảo chứng cho sự đồng nhất chủ thể, mà ngược lại, trở thành điểm khởi đầu cho sự phân mảnh bản ngã. Người viết, người kể, nhân vật - thay vì đồng nhất, lại được nhân đôi, tách biệt và tái kiến tạo trong từng phần.

Tiếp theo, về mặt cam kết sự thật, tính chất rời rạc của cấu trúc ba phần cũng chất vấn khả năng của tự truyện trong việc xác lập chân lí đời sống. Những mảnh kí ức trong *Tuổi thơ* (từ chuyện ở nông trang, đức tin tôn giáo đến niềm yêu thích sách vở) xuất hiện rời rạc, không được sắp đặt theo trật tự nguyên nhân – kết quả hay logic phát triển cá nhân. *Tuổi trẻ* tiếp tục đẩy xa tính rời rạc ấy, xen lẫn các trải nghiệm ở London với những đoạn kí ức ngắt quãng, thiếu mối liên hệ nội tại. Các đoạn mô tả công việc, sáng tác thơ, học tiếng Pháp hay xem phim được trình hiện không theo dòng chảy liên tục, mà là những khoảnh khắc biệt lập, tạo ra khoảng trống ý nghĩa. Sang *Mùa hè*, trật tự tự sự gần như bị triệt tiêu: không có sự kiện trung tâm, không tiến trình phát triển, không giọng kể thống nhất. Các đoạn phỏng vấn nhiều khi mâu thuẫn, không xác nhận mà phủ nhận lẫn nhau, đặt người đọc vào thế phân vân giữa các khả thể “sự thật”. Có thể nói, *Mùa hè* là phần đặc biệt nhất trong tổng thể cấu trúc của bộ truyện, khi J.M. Coetzee sử dụng các hình thức văn bản đa dạng (phỏng vấn, ghi chép, thư từ), tạo ra những mảnh ghép độc lập, không tổng hợp thành câu chuyện thống nhất về cuộc đời nhân vật chính. Chẳng hạn, trong cuộc phỏng vấn với Margot, cô kể về chuyến đi đến nông trại gia đình cùng John, tập trung vào sự thất vọng khi xe hỏng, nhưng đoạn này được đặt cạnh một ghi chép sổ tay của John, mô tả ý định mua lại nông trại như một nơi ẩn náu mà không có sự liên kết rõ ràng giữa hai phần. Phỏng vấn Margot xoay quanh sự kiện cụ thể và cảm xúc cá nhân, trong khi ghi chép của John phản ánh trạng thái nội tâm, không chia sẻ chủ đề hay mục đích chung. Hay đoạn ghi chép chứa thư từ giả định của John viết về cảm giác cô đơn và bất an khi trở về Nam Phi lại đứng cạnh cuộc phỏng vấn với Sophie, người đánh giá John là nhà văn thiếu đam mê. Thư từ phản ánh nội tâm, trong khi phỏng vấn Sophie tập trung vào sự nghiệp, điều này để lại khoảng trống về mối liên hệ giữa cảm xúc cá nhân và nhận định, sự suy lí nghề nghiệp. Ngoài ra, khi phỏng vấn với Adriana, cô bày tỏ sự thất vọng với hành vi của John đối với con gái. Nhưng liền kề theo sau, mạch truyện lệch khỏi nhận thức về John, đặt cạnh đoạn ghi chép bàn luận về cuốn *Foe* mà Adriana muốn đọc, không liên quan đến xung đột cá nhân trước đó. Sự thiếu liên kết giữa các phần này dẫn đến những khoảng trống ý nghĩa, khi các đoạn văn về mối quan hệ giữa các nhân vật với John bất ngờ chuyển sang những ghi chép cá nhân hoặc trong một số trường hợp, cuộc phỏng vấn về John lại chuyển hướng sang sở thích và suy tư riêng của người được phỏng vấn. Tuy Lejeune khẳng định “khế ước tự truyện” là một lời hứa giữa người viết và độc giả về tính xác thực của trải nghiệm được kể lại, nhưng với *Những cảnh đời tình lẻ*, bản thân hành vi kể chuyện bị phân mảnh và các góc nhìn trở nên dị biệt, thậm chí bất khả kiểm chứng. Trong *Mùa hè*, nhân vật chính đã qua đời và hình ảnh về ông được tái hiện qua các lời kể không đồng thuận, mâu thuẫn nhau. Sự thật thông thường đáng lẽ là điểm tựa, giờ lại hình thành ra một trường tranh luận mở, nơi mỗi nhân chứng góp phần vào một bản thể không toàn vẹn.

Trong *Luận về tự truyện*, Lejeune từng viết: “Ý nghĩa là thứ tổ chức nên tự sự” [1; 72] và “Tất cả các yếu tố của tự sự đều là kí hiệu có nghĩa rõ ràng” [1; 97]. Điều này cho thấy ông tin vào một trật tự ý nghĩa ổn định, khi sự kiện cá nhân có thể được diễn giải và tổ chức để tạo thành câu chuyện có ý nghĩa. Tuy nhiên, Coetzee không chọn “kể lại một đời sống”, mà trình bày đời sống như một chuỗi mảnh vỡ không thể nối kết và trong chính sự thiếu vắng logic, khoảng cách lời kể, sự mâu thuẫn giữa các nhân vật trở thành chiến lược tự sự phản tư. Những khoảng trống trong cấu trúc là chủ đích nghệ thuật, nhằm phủ định khả năng truyền tải một sự thật thống nhất, đồng thời giải cấu trúc niềm tin vào một bản ngã có thể tái hiện bằng ngôn ngữ.

Bên cạnh đó, P. Lejeune còn phân tích mối quan hệ giữa logic và lịch sử, cho rằng: “Tính chất trước đó về mặt logic và tồn tại” sẽ có xu hướng được biểu hiện như là tính chất trước đó về mặt lịch sử, càng dễ xảy ra khi điều đó được trình bày như một trật tự tự sự” [1; 94]. Ý tưởng này ám chỉ một yếu tố nền tảng về mặt logic của một biến cố hay nhận thức quyết định ý nghĩa các sự kiện theo sau, thường được đồng hóa thành một chuỗi “lịch sử” trong tự sự, tạo cảm giác mọi thứ phát triển tuyến tính, dù trải nghiệm thực tế có thể phức tạp hơn. Song, nếu chiêm nghiệm kĩ cấu trúc của bộ truyện, thì độc giả có thể nhận ra các mảnh văn bản như đã mô tả không được sắp xếp theo trật tự logic. Không lựa chọn đồng nhất hóa trình tự logic thành trật tự thời gian, J.M. Coetzee để các trải nghiệm tách biệt, phản ánh một hành trình phát triển của chàng thanh niên John đầy hỗn loạn. Chính sự rời rạc trong cấu trúc tác phẩm đã cho phép *Những cảnh đời tỉnh lẻ* mở ra khả thể mới cho tự truyện với các hồi tưởng phân mảnh, không sắp xếp theo logic ngoại tại, mà chủ yếu liên kết bằng cảm thức bất toàn và hoài nghi bản ngã, sự tái hiện bản ngã như một tiền trình đứt gãy và việc dời trọng tâm của tự truyện khỏi kể lại lịch sử cá nhân sang phơi bày giới hạn của kí ức và tự sự.

Coetzee không khước từ khế ước tự truyện theo kiểu cực đoan (như chính Lejeune sau này thừa nhận), ngược lại, nhà văn đã đẩy nó đến giới hạn, cho thấy sự đồng nhất không còn tuyệt đối, sự thật không còn duy nhất và người đọc không còn bị ràng buộc vào một diễn giải. Thay vào đó, độc giả trở thành chủ thể đồng kiến tạo, buộc phải tái cấu trúc các mảnh rời, gợi mở ý nghĩa từ những khoảng trống.

Ý nghĩa của tính rời rạc trong cấu trúc của *Những cảnh đời tỉnh lẻ* nằm ở chỗ J.M. Coetzee từ chối tái hiện cuộc đời theo một logic thống nhất, đặt câu hỏi về khả năng của tự truyện trong việc truyền tải một câu chuyện đời sống hoàn chỉnh. Những khoảng trống ý nghĩa giữa các mảnh văn bản và giữa ba phần đã biến việc đọc thành một quá trình đồng sáng tạo. Độc giả phải chủ động ghép nối, suy diễn ý nghĩa, từ đó nhận thức sâu sắc hơn về tính phức tạp, đa diện của bản ngã và lịch sử cá nhân, thách thức các tiền giả định truyền thống của thể loại tự truyện.

Từ đây, *Những cảnh đời tỉnh lẻ* không phải là một cuốn tự truyện của nhà văn, mà là một văn bản phản tư thể loại, bởi chính sự rời rạc về cấu trúc đã trở thành hình thức diễn ngôn, đặt lại vấn đề về khả năng tái hiện bản ngã và sự thật, vốn là nền tảng của tự truyện truyền thống. Từ đó, những khả thể cho định nghĩa về tiểu thuyết (vốn có đặc trưng truyền thông giàu tính hư cấu) - tự thuật (nơi tác giả tự kể) vượt lên đường biên thể loại tự truyện, kiến tạo một hình thức tự sự mới như một diễn ngôn sáng tạo và thể nghiệm bản thể. Thể loại không còn là khung định danh cố định, mà trở thành “không gian mở” cho những thực hành tự sự đương đại, trong đó, bản ngã không được “trình bày” mà được “kiến tạo” thông qua sự rạn vỡ của kí ức, ngôn ngữ và hình thức chính thể của sáng tác.

Chính xu hướng này đã được nhiều nhà văn đương đại tiếp nối và phát triển. Những tiểu thuyết tự thuật táo bạo của nữ văn sĩ Pháp Annie Ernaux (Nobel văn chương năm 2022), *The Emigrants* của W.G. Sebald đều tham gia vào quá trình tái định nghĩa thể loại. Chúng từ chối sự đồng nhất tuyệt đối, chất vấn tính xác thực và đan xen tư liệu, hồi ức, hư cấu để phản ánh một bản ngã đa tầng, bất định – một hiện tượng ngày càng phổ biến trong văn học thế kỉ XXI. Tuy nhiên, nếu J.M. Coetzee sử dụng tự thuật như một phương tiện phản tư thể loại, làm mờ ranh giới giữa tác giả – nhân vật – người kể, thì Annie Ernaux lại theo đuổi một con đường khác là phơi bày cá

nhân như một đơn vị của xã hội, biến cái tôi thành một “công cụ” phê phán hiện thực. Văn chương của Ernaux mang tính chất “tự sự xã hội” (*auto-socio-biographie*), trong đó kí ức cá nhân có thể xem là phương tiện để nhận diện các cơ chế giai cấp, giới tính, quyền lực. Trong *Một chỗ trong đời*, bà sử dụng “lối viết phẳng”, cố tình từ chối mọi mỹ cảm tự sự để ghi lại những dấu vết khách quan của đời sống người lao động, phô bày một cái tôi xã hội, nơi chủ thể tự truyện như tan rã để hòa vào tập thể. Ngược lại, trong *Những cảnh đời tỉnh lẻ*, J.M. Coetzee không hẳn xóa bỏ cái tôi mà làm phân mảnh nó qua sự bất ổn và đa tầng của các giọng kể, các hình thức ẩn danh hoặc vắng mặt của nhân vật chính. Nếu A. Ernaux chọn cách làm mờ bản thân để mở rộng kí ức sang không gian tập thể, thì Coetzee làm rạn nứt cái tôi để phơi lộ bản chất mong manh, bất khả xác tín của kí ức và căn tính. Một bên là cái tôi xã hội bị chi phối bởi kí ức tập thể và giai cấp, một bên là cái tôi hiện sinh bị đe dọa bởi sự lặp lại, mâu thuẫn và hư cấu. Cả hai đều tái định nghĩa khế ước tự truyện – không bằng sự xác lập một chân lí đời sống, mà bằng cách chất vấn chính khả năng kể lại nó.

Như vậy, *Những cảnh đời tỉnh lẻ* không những phản ánh sự thể nghiệm cá nhân của J.M. Coetzee, mà quan trọng hơn là nó nền tảng cho một xu hướng thể loại mới – tiểu thuyết tự thuật hậu hiện đại, với cấu trúc mở, ngôn ngữ bất toàn và bản thể bị phân rã. Qua đó, *Những cảnh đời tỉnh lẻ* vừa là tác phẩm tự sự, vừa là diễn ngôn về khả năng và giới hạn của tự sự. Coetzee không chối bỏ khế ước, nhưng biến đổi và làm phong phú nó, đưa đến việc khẳng định sự tồn tại của một hình thức thể loại mới trong bối cảnh văn chương đương đại.

3. Kết luận

Nghiên cứu về cấu trúc của *Những cảnh đời tỉnh lẻ* (bộ ba: *Tuổi thơ*, *Tuổi trẻ* và *Mùa hè*) của J.M. Coetzee đã làm sáng tỏ cách nhà văn không đơn thuần bác bỏ khế ước tự truyện truyền thống mà mở rộng ranh giới của nó, bằng cách phản tư các tiền giả định về sự đồng nhất bản ngã, cam kết sự thật và cấu trúc thời gian tuyến tính. Bằng chiến lược trần thuật phi tuyến, sự rời rạc trong tổ chức văn bản và việc cố tình để lại các khoảng trống ý nghĩa, Coetzee đã kiến tạo nên một cấu trúc tự thuật không khép kín, cho thấy “câu chuyện đời người” không còn vận hành theo một tiến trình có logic, ngược lại trở thành tập hợp của những mảnh kí ức đứt đoạn, rời rạc và các góc nhìn không đồng thuận.

Từ đây, *Những cảnh đời tỉnh lẻ* đã trở thành một diễn ngôn về bản ngã bất định, về kí ức không đáng tin cậy và về sự viết như một hành vi kiến tạo nghĩa chứ không đơn thuần chỉ nhằm tái hiện sự thật, dòng đời của một cá nhân. Coetzee đã cho thấy rằng ngay cả khi phá vỡ các trụ cột lí thuyết của Philippe Lejeune – sự đồng nhất, tính xác thực, cấu trúc logic – ông vẫn không triệt tiêu khả thể tự truyện, mà đẩy nó đến giới hạn, chuyên hóa nó thành một “không gian mở” cho sáng tạo văn chương và nhận thức bản thể. Trong không gian đó, vai trò của độc giả đã dịch chuyển từ người tiếp nhận bị động thành trung tâm kiến tạo. Người đọc được mời gọi để lấp đầy những khoảng trống, ghép nối các mảnh vỡ kí ức và kiến tạo ý nghĩa từ sự rời rạc, một hành vi đọc mang tính tương tác và đồng sáng tạo sâu sắc. Qua lăng kính hậu hiện đại, văn bản trở thành một hình thức phê phán chính khái niệm về tính thống nhất của bản ngã và lịch sử, làm lung lay nền tảng của thể loại tự truyện hiện đại, đồng thời mở rộng giới hạn của nó đến những địa hạt chưa từng được định danh.

Với *Những cảnh đời tỉnh lẻ*, J.M. Coetzee đã đi từ đối mới hình thức tự sự cá nhân đến đóng góp quan trọng vào lí luận thể loại, tái định vị tiểu thuyết tự truyện là một thực hành văn chương thể nghiệm, linh hoạt và đầy tiềm năng. Trong dòng chảy văn học hậu hiện đại và hậu thuộc địa, tác phẩm của ông trở thành một mốc quan trọng cho thấy sự vận động và biến dạng của bản ngã, không còn là thực thể cố định để kể lại, mà là một tiến trình kiến tạo liên tục giữa văn bản, lịch sử và người đọc. Những phát hiện này mở ra triển vọng cho các nghiên cứu sâu hơn về cấu trúc tự thuật như hình thức phản ánh bản sắc cá nhân, lịch sử xã hội và những đứt gãy của kí ức trong thời đại đương đại.

Những phân tích trên đây có thể là nền tảng cho các hướng nghiên cứu tiếp theo. Một hướng khả dĩ là khảo sát đối chiếu lối viết tự thuật của J.M. Coetzee với Annie Ernaux – hai tác giả cùng làm mờ trung tâm tự truyện, nhưng bằng những chiến lược khác biệt. Ngoài ra, có thể tiếp nối bằng những nghiên cứu, khảo sát hình thức tự truyện ngôi ba dưới góc độ diễn ngôn, vấn đề kí ức trong bộ ba này để thấy được những biểu hiện phức tạp của việc tái hiện bản sắc, căn tính, phản tư thể loại,... góp phần có cái nhìn toàn diện về tiểu thuyết tự thuật của J.M. Coetzee.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lejeune P, (1989). *On autobiography* (Katherine Leary dịch). University of Minnesota Press, Minneapolis (in English).
- [2] Collingwood-Whittick S, (2001). Autobiography as autobiography: The fictionalisation of the self in Coetzee's *Boyhood*. *Commonwealth*, 24 (1), 13–23 (in English).
- [3] Lenta M, (2003). Autobiography: J.M. Coetzee's *Boyhood* and *Youth*. *English in Africa*, 30 (1), 157–169 (in English).
- [4] Grzęda P, (2012). The ethico-politics of autobiographical writings: J.M. Coetzee's *Boyhood*, *Youth* and *Summertime*. *Werkwinkel*, 7 (2), 77–94 (in English).
- [5] Büyüktuncay M, (2013). *Scenes from Provincail Life: Authenticity and Ethics of (Auto) Biographical Representation in J.M. Coetzee's Trilogy of Auto-fiction*. *Mediterranean Journal of Humanities*, 3 (1), 61–70 (in English).
- [6] Neimneh S, (2015). Autofiction and fictionalisation: J.M. Coetzee's novels and *Boyhood*. *Transnational Literature*, 7 (2), 1–12 (in English).
- [7] TA Phạm, TM Tâm, (2021). Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết *Những cảnh đời tỉnh lẻ* của John Maxwell Coetzee. *Ngôn ngữ & Đời sống*, 8 (315), 126–132.
- [8] Eakin PJ, (1999). *How our lives become stories: Making selves*. Cornell University Press, Ithaca and London (in English).
- [9] Anderson L, (2001). *Autobiography*. Routledge Press (in English).
- [10] Maftai S, (2013). *The Fiction of Autobiography: Reading and Writing Identity*. Bloomsbury Academic ((in English).
- [11] Coetzee JM, (2019). *Những cảnh đời tỉnh lẻ – Tuổi thơ* (Hương Châu dịch). Nxb Phụ nữ Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
- [12] Coetzee JM, (2019). *Những cảnh đời tỉnh lẻ – Tuổi trẻ* (Hương Châu dịch). Nxb Phụ nữ Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
- [13] Coetzee JM, (2019). *Những cảnh đời tỉnh lẻ – Mùa hè* (Hương Châu dịch). Nxb Phụ nữ Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
- [14] TPV Anh, (2017). *Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỉ XXI – Lạ hóa một cuộc chơi*. Nxb Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.
- [15] LP Thủy, (2007). *Lí luận – Phê bình Văn học thế giới thế kỉ XX (tập hai)*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.